

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀNG TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 310/QĐ-UBND

Hoàng Tân, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HOÀNG TÂN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 309/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND phường Hoàng Tân về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách phường Hoàng Tân năm 2022;

Xét đề nghị của Tài chính kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của phường Hoàng Tân (theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, công chức tài chính kế toán phường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Đài TT phường;
- Lưu: VP.



Nguyễn Văn Cáp

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: UBND phường Hoàng Tân

Chương:



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND phường Hoàng Tân)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	10
I	Số thu phí, lệ phí	10
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	10
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.950,256
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.950,256
1	Chi quản lý hành chính	4.227,708
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.991,708
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	236
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11,7
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11,7
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	24
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	24
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	388,79
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	388,79
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	122,668
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	122,668
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	30
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	42
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	42
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	67,39
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	67,39
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	36
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	